

Số: 2449/TM-BVT
V/v: Báo giá về việc Tái tục bảo hiểm
cháy nổ bắt buộc năm 2026 của Bệnh
viện đa khoa tỉnh Điện Biên.

Điện Biên, ngày 07 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh, cung cấp dịch vụ.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam và Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải Quan. Luật thuế GTGT, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Luật đầu tư, luật đầu tư công. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công của Quốc hội khóa XV, có hiệu lực từ 01/07/2025;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ Quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ quyết định số 576/QĐ-SYT ngày 27/6/2022 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị SNCL thuộc Sở Y tế giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-BVT ngày 02/02/2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-BVT ngày 16/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên đang có nhu cầu về việc Tái tục bảo hiểm cháy nổ bắt buộc năm 2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên, để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo của quy trình mua sắm, lắp đặt hàng hóa dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, Bệnh viện đa khoa tỉnh kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hóa dịch vụ, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

Địa chỉ: Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên

Mã số thuế: 5600179012.

Người Đại diện: Ông Phạm Tiến Biên

Chức vụ: Giám đốc

2. Danh mục hàng hóa đề nghị báo giá:

(Chi tiết theo danh mục đính kèm)

3. Mục đích yêu cầu báo giá:

Làm căn cứ xác định giá gói thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định..

4. Điều kiện cung cấp dịch vụ:

Là đơn vị được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh các hàng hóa trên.

5. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Nguyễn Thị Hằng

Chức vụ: Thành viên tổ chuyên gia đấu thầu

Số điện thoại: 0327376610

Địa chỉ Email: : tochuyengiadauthaubvt@gmail.com

6. Cách tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp/quia đường bưu điện tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên (Tổ dân phố 4, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên) hoặc qua địa chỉ Email: tochuyengiadauthaubvt@gmail.com

7. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 10 tháng 8 năm 2026 đến 17 giờ ngày 15 tháng 8 năm 2026. Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

8. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15/8/2026.

9. Mẫu báo giá: Theo Phụ lục đính kèm.

Danh mục hàng hóa, dịch vụ yêu cầu: theo phụ lục 1 đính kèm

Mẫu chào giá hàng hóa, dịch vụ: theo phụ lục 2 đính kèm

10. Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin ĐTBV;
- Ban Giám đốc BV
- Phòng TCKT;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

TS.BS Phạm Tiến Biên

PHỤ LỤC SỐ 01

*(Kèm theo thư mời báo giá số:2449/TM-BVT ngày 07/8/2026
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)*

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
1	Nhà cầu	TCHC	2025	Hạng mục	1	123.954.723	115.686.943
2	Nhà kỹ thuật cao 4 tầng	TCHC	2021	Hạng mục	1	18.295.284.125	12.193.806.869
3	Nhà cầu 3 tầng	TCHC	2021	Hạng mục	1	1.043.584.370	695.548.983
4	Nhà số 14 (Nhà kỹ thuật cao + Chi phí Tno cọc)	TCHC	2021	Hạng mục	1	13.817.466.641	9.209.341.516
5	Nhà đặt thiết bị xử lý chất thải	TCHC	2019	Hạng mục	1	534.050.641	320.323.574
6	Nhà lưu trữ chất thải rắn	KSNK	2019	Hạng mục	1	294.718.646	176.772.244
7	Bể cô lập chất thải, sân rửa, hệ thống cấp nước ngoài nhà, sân, nền, đường, tường rào cột điện, cổng	KSNK	2019	Hạng mục	1	519.803.497	311.778.138
8	Cải tạo sửa chữa nhà số 10	TCHC	2021	Hạng mục	1	352.845.926	235.171.810
9	Cải tạo sửa chữa nhà số 11	TCHC	2021	Hạng mục	1	2.180.721.107	1.453.450.618
10	Sửa chữa cải tạo nhà số 12	TCHC	2021	Hạng mục	1	1.408.091.951	938.493.285

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
11	Sửa chữa cải tạo nhà số 2	TCHC	2021	Hạng mục	1	1.580.240.612	1.053.230.368
12	Sửa chữa cải tạo nhà số 7,8	TCHC	2021	Hạng mục	1	1.990.920.738	1.326.948.672
13	Sửa chữa, cải tạo nhà số 6	TCHC	2021	Hạng mục	1	1.609.223.880	1.072.547.716
14	Sửa chữa, cải tạo nhà số 9	TCHC	2021	hạng mục	1	1.661.938.647	1.107.682.108
15	Sửa chữa cải tạo nhà số 3	TCHC	2021	Hạng mục	1	1.057.542.644	704.852.172
16	Sửa chữa cải tạo nhà số 5	TCHC	2021	Hạng mục	1	1.406.193.132	937.227.722
17	Sửa chữa cải tạo nhà số 4	TCHC	2021	Hạng mục	1	1.346.384.717	897.365.414
18	Cải tạo nhà cầu	TCHC	2021	Hạng mục	1	453.826.200	302.475.162
19	Nhà phục hồi chức năng	TCHC	2019	Nhà	1	418.344.000	223.019.186
20	Nhà cấp 4 để máy hệ thống ô xy	VTTBYT	2012	Nhà	1	939.401.000	62.282.286
21	Kè chắn đất	TCHC	2025	Hạng mục	1	251.555.683	238.977.899
22	Đường bê tông	TCHC	2025	Hạng mục	1	73.927.647	70.231.265
23	Hệ thống xử lý nước thải	TCHC	2025	Hạng mục	1	13.100.000.000	11.790.000.000
24	Hào khí y tế	TCHC	2021	Hạng mục		345.857.554	172.928.777

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
					1		
25	Đường điện hệ thống máy lọc thận	TCHC	2021	Hạng mục	1	110.568.475	55.284.238
26	Hạ tầng tổng thể	TCHC	2021	Hạng mục	1	1.126.469.805	563.234.903
27	Hạng mục Phòng cháy chữa cháy	TCHC	2021	Hạng mục	1	2.107.813.721	1.053.906.861
28	Hệ thống xử lý rác thải rắn y tế	KSNK	2017	Hệ thống	1	9.285.282.167	1.170.004.867
29	Xe ô tô TOYOTA Hiace	TCHC	2024	Cái	1	1.200.000.000	1.039.920.000
30	Xe ô tô cứu thương Toyota hiace TRH223L-LEMDK	TCHC	2017	Chiếc	1	1.199.100.000	479.280.270
31	Xe tải vận chuyển chất thải Thaco K165-CS/BN MB	TCHC	2017	Chiếc	1	426.888.932	178.008.981
32	Xe ô tô cứu thương IVECO	TCHC	2023	Chiếc	1	1.120.000.000	894.880.000
33	Máy huyết học tự động 19 thông số	Ban bảo vệ sức khỏe	2018	Cái	1	491.156.000	36.836.700
34	Máy điện não Model: Neuron-Spectrum-64	Nội TH	2025	Cái	1	319.350.000	279.431.250
35	Dây nội soi dạ dày Model: GIF-H170	Nội TH	2025	Cái	1	700.000.000	612.500.000
36	Dây nội soi đại tràng Model: CF-H170I	Nội TH	2025	Cái	1	710.000.000	621.250.000

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
37	Dây nội soi khí, phế quản Model: BF-Q170	Nội TH	2025	Cái	1	645.000.000	564.375.000
38	Tủ bảo quản huyết tương Model: MDF-U5412-PB/PHCb1 ,Serian: 24040012	Xét nghiệm	2025	Cái	1	140.000.000	122.500.000
39	Tủ bảo quản huyết tương Model: MDF-U5412-PB/PHCb1 ,Serian: 24040013	Xét nghiệm	2025	Cái	1	140.000.000	122.500.000
40	Tủ lạnh trữ máu Model: MBR-705GR-PE/PHCb1	Xét nghiệm	2025	Cái	1	205.000.000	179.375.000
41	Máy khoan sọ (Máy khoan sọ đa năng)	GMHS	2025	Cái	1	884.000.000	773.500.000
42	Hệ thống phẫu thuật phaco	GMHS	2025	Hệ thống	1	1.780.000.000	1.557.500.000
43	Tủ lạnh bảo quản hóa chất, vaccine, dược phẩm, Serian: 241060246	Dược	2025	Cái	1	85.000.000	74.375.000
44	Tủ lạnh bảo quản hóa chất, vaccine, dược phẩm, Serian: 241060247	VTTBYT	2025	Cái	1	85.000.000	74.375.000
45	Ống soi niệu quản bể thận Karl storz 27002LK	GMHS	2025	Cái	1	290.750.000	254.406.250
46	Đèn chiếu vàng da một mặt seri O24295031	Nhi	2025	Cái	1	42.500.000	37.187.500
47	Đèn chiếu vàng da một mặt seri O24295038	Phụ Sản	2025	Cái	1	42.500.000	37.187.500

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
48	Máy xét nghiệm đông máu tự động CP3000 Serian: CP3572259	Xét nghiệm	2025	Cái	1	2.100.000.000	1.837.500.000
49	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động Beckman Coulter DxC 700AU Serian: 2025034858	Xét nghiệm	2025	Cái	1	3.940.000.000	3.447.500.000
50	Tủ lạnh chuyên dụng TCW 80 AC	Phụ Sản	2025	Cái	1	86.861.989	76.004.240
51	Hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch tự động	Xét nghiệm	2024	Cái	1	1.472.100.000	1.104.075.000
52	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Xét nghiệm	2024	Cái	1	315.000.000	236.250.000
53	Máy xét nghiệm máu lắng	Xét nghiệm	2024	Cái	1	57.750.000	43.312.500
54	Máy phân tích khí máu	Xét nghiệm	2024	Cái	1	126.000.000	94.500.000
55	Máy khoan xương YTZJ-B	CTCH-B	2024	Cái	2	56.260.000	42.195.000
56	Máy tầm soát ung thư cổ tử cung	Phụ Sản	2024	Cái	1	83.575.800	62.681.850
57	Thiết bị mạng định tuyến cân bằng tải trung tâm	VTTBYT	2024	Cái	1	25.500.000	19.125.000
58	Máy siêu âm chuyên sản, model: LogiqF6, no: 612630WXO	Phụ Sản	2024	Cái	1	85.000.000	63.750.000
59	Màn hình y tế chuyên dụng FHD	GMHS	2024	Cái	1	98.000.000	73.500.000
60	Hệ thống lò đốt rác thải	KSNK	2024	Cái	1	339.680.000	254.760.000

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
61	Cải tạo nâng cấp hệ thống chất thải bệnh viện	KSNK	2024	Cái	1	98.706.600	74.029.950
62	Hệ thống xử lý nước RO cho máy HDF online	TNT	2024	Hệ thống	1	150.000.000	112.500.000
63	Hệ thống rửa quả lọc tự động 10 cổng	TNT	2024	Hệ thống	1	435.000.000	326.250.000
64	Hệ thống nội soi dạ dày- đại tràng video	Nội TH	2024	Cái	1	219.182.901	164.387.176
65	Máy thở VFS 510 +Pin dự phòng SKU	VTTBYT	2024	Cái	2	144.476.866	108.357.650
66	Màn hình y tế cho hệ thống máy nội soi	GMHS	2024	Cái	1	82.000.000	61.500.000
67	Dao mổ điện cao tần Model: ESU-X300NT	GMHS	2023	Cái	4	1.032.000.000	645.000.000
68	Đèn mổ treo trần Model: LEDVISION 101	GMHS	2023	Cái	4	2.320.000.000	1.450.000.000
69	Máy siêu âm xách tay 3 đầu dò Model: Versana Active	CĐHA	2023	Cái	1	890.000.000	556.250.000
70	Máy X quang di động (Hệ thống máy X-quang di động cao tần Model: Mux-10	CĐHA	2023	Cái	2	1.700.000.000	1.062.500.000
71	Máy siêu âm tổng quát (máy siêu âm Doppler màu 3 đầu dò Model: Arietta 50	CĐHA	2023	Cái	1	890.000.000	556.250.000
72	Máy siêu âm tổng quát (máy siêu âm Doppler màu 3 đầu dò Model: Arietta 50	LTM	2023	Cái	1	890.000.000	556.250.000

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
73	Máy siêu âm tổng quát sản (máy siêu âm màu 3 đầu dò) Model: Arietta 50	CĐHA	2023	Cái	1	900.000.000	562.500.000
74	Máy siêu âm màu 2 đầu dò Model: Versana Balance	CĐHA	2023	Cái	1	815.000.000	509.375.000
75	Máy đo áp lực nội sọ Model: PSO-4000	GMHS	2023	Cái	1	662.000.000	413.750.000
76	Máy đo áp lực nội sọ Model: PSO-4000	Cấp cứu	2023	Cái	1	662.000.000	413.750.000
77	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển bằng điện (giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện) Model: MA-53380V	GMHS	2023	Cái	2	210.000.000	131.250.000
78	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển bằng điện (giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện) Model: MA-53380V	Cấp cứu	2023	Cái	6	630.000.000	393.750.000
79	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển bằng điện (giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện) Model: MA-53380V	HSTC&CĐ	2023	Cái	3	315.000.000	196.875.000
80	Hệ thống máy lọc nước RO model RO-13200	TNT	2023	Cái	1	980.000.000	612.500.000
81	Hệ thống tán sỏi laser (tán sỏi qua da) ACU-H2J	GMHS	2022	Cái	1	4.800.000.000	2.400.000.000

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
82	Máy gây mê Carestation 650 A1	GMHS	2022	Cái	1	1.060.000.000	530.000.000
83	Phòng áp lực âm xét nghiệm Realtime RT-PCR	Xét nghiệm	2022	Cái	1	444.367.746	222.183.873
84	Hệ thống khí y tế trung tâm (Nhà 4 tầng)	VTTBYT	2022	Cái	1	686.470.000	343.235.000
85	Thiết bị Chuẩn đoán và định lượng Virut Realtime PCR	Xét nghiệm	2022	Cái	1	2.068.665.000	1.034.332.500
86	Thay thế phụ kiện cho hệ thống máy CT Scanner	CDHA	2022	Cái	1	709.900.000	354.950.000
87	Tay khoan nha khoa (tay khoan chậm)	RHM	2022	Cái	3	53.795.700	26.897.850
88	Máy xét nghiệm nước tiểu auto 100	Xét nghiệm	2022	Cái	1	92.500.000	46.250.000
89	Bàn mổ đa năng điện thủy lực Alvo Etiuda 4-02	GMHS	2022	Cái	4	2.200.000.000	1.100.000.000
90	Máy gây mê kèm thở có theo dõi khí mê Carestatin 620 A1	GMHS	2022	Cái	2	1.900.000.000	950.000.000
91	Máy thận nhân tạo Dialog+ B.Braun	TNT	2022	Cái	12	4.548.000.000	3.340.169.260
92	Máy chạy thận nhân tạo (HDF online)	TNT	2022	Cái	1	645.000.000	322.500.000
93	Máy sấy khí DGO480	VTTBYT	2022	Cái	1	71.500.000	35.750.000

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
94	Máy trị liệu xoa bóp tuần hoàn khí Power - Q6000	PHCN	2022	Cái	1	42.000.000	21.000.000
95	Máy kích thích thần kinh cơ Stimuplex HNS 12	GMHS	2022	Cái	2	75.900.000	37.950.000
96	Ghế khám Tai mũi họng GI -100	TMH	2022	Cái	1	72.500.000	36.250.000
97	Bảng mạch nguồn cao áp 20134020 Karl Storz	TCHC	2022	Cái	1	54.000.000	27.000.000
98	Máy thở xâm nhập VFS-410	VTTBYT	2021	Cái	3	318.000.000	135.150.000
99	Máy thở chức năng cao Evita V300 Draeger (tạm tính)	VTTBYT	2021	Cái	8	640.000.008	560.000.007
100	Máy oxy dòng cao BKVM-HF1	VTTBYT	2021	Cái	2	150.000.000	131.250.000
101	Máy truyền dịch TE LF630	Nhi	2021	Cái	10	447.620.000	167.857.500
102	Tủ âm sâu chuyên dụng MDF U5412 PB	Xét nghiệm	2021	Cái	1	278.514.000	104.442.750
103	Nồi hấp tiệt trùng TC75	KSNK	2021	Cái	2	1.919.816.000	719.931.000
104	Kính hiển vi điện tử kết nối camera	Xét nghiệm	2021	Cái	1	298.408.000	111.903.000
105	Tủ lạnh trữ máu MBR 305GR PE	Xét nghiệm	2021	Cái	1	298.409.000	111.903.375
106	Máy truyền dịch TE LF630	HSTC&CĐ	2021	Cái		402.858.000	151.071.750

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
					9		
107	Máy thận nhân tạo Dialog 710200I	TNT	2021	Cái	2	1.094.166.000	410.312.250
108	Máy sấy công nghiệp T41200	KSNK	2021	Cái	1	705.250.000	264.468.750
109	Dao mổ điện cao tần Force FX-8C	GMHS	2021	Cái	1	242.000.000	90.750.000
110	Đèn mổ treo trần Chromophare F268/F268	GMHS	2021	Cái	1	745.000.000	279.375.000
111	Máy in phim Xquang Drystar 5302	CDHA	2021	Cái	1	93.000.000	34.875.000
112	Máy phân tích điện giải tự động Auto ISE500	Xét nghiệm	2021	Cái	1	92.000.000	34.500.000
113	Máy khoan xương điện RJ-PD (ND-2011)	GMHS	2021	Cái	1	95.300.000	35.737.500
114	Máy holter điện tim EC-3H	LTM	2021	Cái	1	97.000.000	36.375.000
115	Máy khí máu gem premier 3000	Cấp cứu	2021	Cái	1	96.000.000	36.000.000
116	Máy điều trị bằng sóng siêu âm Sono one	YHCT	2021	Cái	1	70.000.000	26.250.000
117	Kiosk thông tin All in one	KB	2021	Cái	1	58.200.000	21.825.000

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
118	Hệ thống lò đốt rác thải	KSNK	2020	Hệ thống	1	2.743.200.000	685.800.000
119	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động 1200 test/h Monarch 1200	Xét nghiệm	2020	Bộ	1	3.576.000.000	894.000.000
120	Máy Xquang có cánh tay chữ C (máy xquang di động C-arm dùng cho phẫu thuật) BV Endura	CĐHA	2020	Cái	1	6.008.000.000	1.502.000.000
121	Máy thở Vsmart	Cấp cứu	2020	Cái	1	106.000.000	34.450.000
122	Máy thở Vsmart	HSTC&CĐ	2020	Cái	2	212.000.000	53.000.000
123	Máy thở Vsmart	BNĐ - DL	2020	Cái	1	106.000.000	26.500.000
124	Giường sưởi kết hợp đèn chiếu vàng da	Nhi	2020	Cái	3	255.000.000	223.125.000
125	Máy xét nghiệm huyết học 33 thông số	Xét nghiệm	2020	Cái	1	630.881.238	157.720.310
126	Tủ lạnh âm sâu	Xét nghiệm	2020	Cái	1	84.521.000	21.130.250
127	Máy thở 3000 ICU	VTTBYT	2020	Cái	1	378.000.000	122.850.000
128	Máy gây mê kèm thở AM5000	VTTBYT	2020	Cái	1	406.000.000	131.950.000

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
129	Máy phân tích sinh hóa tự động FA-400	Xét nghiệm	2020	Cái	1	225.000.000	73.125.000
130	Hệ thống Elisa	Xét nghiệm	2020	Hệ thống	1	179.436.251	58.316.782
131	Mô hình hút đờm và cho ăn qua xông LM-097B	Điều dưỡng	2020	Cái	2	91.200.000	29.640.000
132	mô hình thông tiểu nam LM-109M	Điều dưỡng	2020	Cái	2	67.000.000	21.775.000
133	Mô hình thông tiểu nữ LM-109F	Điều dưỡng	2020	Cái	2	69.200.000	22.490.000
134	Mô hình cánh tay tiêm đa năng LM-074	Điều dưỡng	2020	Cái	1	66.600.000	21.645.000
135	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình đa năng Alvo Etiuda 4-02(điện thủy lực)	CTCH-B	2020	Bộ	1	1.551.763.000	387.940.750
136	Máy thở dùng cho hồi sức cấp cứu Carescape R860	HSTC&CĐ	2020	Cái	1	1.047.251.000	261.812.750
137	Máy thở dùng cho hồi sức cấp cứu Carescape R860	Cấp cứu	2020	Cái	1	1.047.251.000	261.812.750
138	Máy thở cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh Carescape R860 CBRZ01075	GMHS	2020	Máy	1	959.872.000	239.968.000

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
139	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF Chang Gung	GMHS	2020	Cái	1	139.236.000	34.809.000
140	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+ Braun(Serial: 514(71,72,73,74,75))	TNT	2020	Cái	5	2.735.590.000	1.683.897.500
141	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF Chang Gung	TNT	2020	Cái	3	417.708.000	104.427.000
142	Máy soi cổ tử cung AL 106 medgyn (SN:Z11BBIM0003)	Phụ Sản	2020	Máy	1	303.362.000	75.840.500
143	Máy thở cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh Carescape R860 (SN: CBRZ01079)	Nhi	2020	Máy	1	959.872.000	239.968.000
144	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF Chang Gung	Nhi	2020	Máy	3	417.708.000	104.427.000
145	Máy đo chức năng hô hấp A23-0J08458 Spirolab	Nội TH	2020	Máy	1	158.932.000	39.733.000
146	Máy thở cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh Carescape R860 (SN: CBRY02577)	HSTC&CĐ	2020	Máy	1	959.872.000	239.968.000
147	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF Chang Gung	HSTC&CĐ	2020	Cái	10	1.392.360.000	348.090.000

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
148	Máy thở cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh Carescape R860 (SN: CBRY02578)	Cấp cứu	2020	Máy	1	959.872.000	239.968.000
149	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF Chang Gung	Cấp cứu	2020	Cái	5	696.180.000	174.045.000
150	Máy điện tim 6 cần ECG-1250K Nihonkohden (SN:15950)	LTM	2020	Máy	1	70.000.000	17.500.000
151	Máy đo huyết áp tự động BP868F Ampall	KB	2020	Cái	1	75.000.000	18.750.000
152	Mua đầu dò siêu âm UST-5413 cho máy siêu âm đa dụng Aloka	CDHA	2020	Cái	1	96.000.000	24.000.000
153	Giường cấp cứu đa năng G2TQ-3A	HSTC&CD	2020	Cái	7	94.500.000	23.625.000
154	Máy khoan xương điện Ruijin	CTCH-B	2020	Cái	1	98.500.000	24.625.000
155	máy hàn dây túi máu se250	Xét nghiệm	2020	Cái	1	93.000.000	23.250.000
156	bồn tắm trẻ sơ sinh BTSS-01	Phụ Sản	2020	Cái	1	96.400.000	24.100.000
157	máy ly tâm ống máu S300T Kubuta	Xét nghiệm	2020	Cái	1	97.000.000	24.250.000
158	Hệ thống cắt lớp vi tính	CDHA	2010	Hệ thống	1	9.168.600.000	7.607.173.102

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
159	Máy chụp X-Quang tăng sáng truyền hình C-Arm	GMHS	2011	Cái	1	1.589.200.000	1.513.999.557
160	Bộ nội soi phẫu thuật	GMHS	2011	Cái	1	1.110.000.000	1.010.000.000
161	Máy lọc máu liên tục Diapact CRRT-B.Braun	HSTC&CD	2010	Cái	1	1.035.000.000	500.000.000
162	Bàn thủ thuật đa năng cho khoa Sản	Phụ Sản	2019	Cái	2	90.000.000	20.250.000
163	Máy đo tim thai cho khoa sản	Phụ Sản	2019	Cái	1	96.600.000	12.075.000
164	Máy xét nghiệm HBA1c	Xét nghiệm	2018	Cái	1	300.000.000	37.500.000
165	Bộ khám điều trị nội soi TMH	TMH	2018	Bộ	1	392.253.000	49.031.625
166	Hệ thống ghế nha khoa	RHM	2018	Hệ thống	1	507.097.000	63.387.125
167	Máy đo điện não 24 kênh kỹ thuật số NS-EEG-D-1 cho khoa Nội TH	Nội TH	2019	Cái	1	586.565.000	73.320.625
168	Máy thở di động HT70plus cho khoa HSTC và chống độc	HSTC&CD	2019	Cái	1	594.000.000	74.250.000
169	Máy đông máu tự động, Model: STA COMPACT MAX, Stago Pháp	Xét nghiệm	2016	Cái	1	1.445.000.000	1.294.162.638
170	Máy thở di động HT70plus cho khoa cấp cứu	Cấp cứu	2019	Cái	2	1.188.000.000	148.500.000

STT	TÀI SẢN	Khoa phòng	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại 2025
171	Máy thở bellavista 1000 IMT medical	GMHS	2019	Cái	1	831.800.000	187.155.000
172	Máy thở bellavista 1000 IMT medical	GMHS	2019	Cái	1	921.800.000	187.155.000
173	Máy sinh hóa máu tự động Cobas c 501, số no: 16U8-10, roche Nhật	Xét nghiệm	2016	Cái	1	3.495.000.000	1.520.240.906
174	Bóng XQ dunlee CTR 2150	CDHA	2018	Cái	1	2.395.000.000	414.510.866
175	Hệ thống nội soi dạ dày- đại tràng video	Nội TH	2018	Hệ thống	1	2.499.500.000	1.063.837.362
176	Máy gây mê kèm thở ADS II infinium medical.inc	GMHS	2019	Cái	1	1.148.700.000	258.457.500
177	Máy gây mê kèm thở ADS II infinium medical.inc	GMHS	2019	Cái	1	1.148.700.000	258.457.500
178	Máy siêu âm đa dụng aloka	CDHA	2018	Cái	1	3.398.000.000	424.750.000
179	Modunle xét nghiệm miễn dịch tự động	Xét nghiệm	2018	Cái	1	3.995.000.000	2.000.000.000
180	Hệ thống chụp xquang DR2 control-X medical.inc	CDHA	2019	Hệ thống	1	5.998.800.000	1.349.730.000
181	Hệ thống máy chụp cắt lớp điện toán 16 dãy Somatom go.now	CDHA	2018	Hệ thống	1	13.471.500.000	2.439.562.500
	TỔNG CỘNG				181	225.496.873.280	118.150.417.675

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo thư mời báo giá số: 2449/TM-BVT ngày 07/8/2026
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số thuế:

Địa chỉ Email (nếu có):

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

[Tên đơn vị thẩm định giá] xin gửi tới bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên lời chào trân trọng.

[Tên đơn vị thẩm định giá] Là nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực

Chúng tôi được biết quý Cơ quan đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu [tên gói thầu] Tên đơn vị thẩm định giá [ghi tên địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] nhận thấy có đủ khả năng hoàn thành tốt việc gói thầu nêu trên vì vậy chúng tôi xin gửi tới quý bệnh viện báo giá (gửi kèm các tài liệu chứng minh năng lực nhà thầu, bảng dự toán chi tiết) chi tiết như sau:

1. Báo giá cung cấp hàng hoá dịch vụ:

Stt	Danh mục hàng hóa, dịch vụ	Mô tả sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá (bao gồm thuế VAT)	Thành tiền
	Tổng cộng :..... mục					

2. Báo giá này có hiệu lực trong Ngày (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày), kể từ ngày....tháng...năm....Đến ngày....tháng....năm.....Kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin khoản 5 mục 1 – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP